

Bản án số: 200/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16-8-2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Bà Phạm Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022, về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Huỳnh Minh H, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp CL, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Lâm Thị L, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp CL, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị H; cư trú tại: Ấp CL, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Lâm Thị Đ, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp CL, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3. Chị Lâm Thị Ngọc C; cư trú tại: Ấp CL, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

4. Ông Trương Quốc T; cư trú tại: Ấp CL, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

5. Ông Đào Tấn Đ; cư trú tại: Phường A, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

6. Bà Nguyễn Tuyết Lam, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp LL, xã ĐTA, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

7. Ông Trịnh Văn C; cư trú tại: Khóm B, phường A, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

8. Bà Huỳnh Bảo T; cư trú tại: Số 240, Lý Thường Kiệt, khóm B, phường A, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

9. Ngân hàng CSXH VN; địa chỉ trụ sở: Số 169 Linh Đường, phường HL, quận HM, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc Ngân hàng CSXH VN.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Quốc V – Phó giám đốc Ngân hàng CSXH VN – chi nhánh huyện ĐD (có mặt).

10. Ngân hàng thương mại cổ phần ĐA – chi nhánh tỉnh Cà Mau; địa chỉ trụ sở: Hùng Vương, phường C, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Huỳnh Minh H trình bày tại Biên bản hòa giải ngày 11/3/2022: Về hôn nhân: Anh và chị L chung sống với nhau vào năm 2002, không đăng ký kết hôn, việc chung sống là tự nguyện. Năm 2010, anh chị phát sinh mâu thuẫn nên anh bỏ nhà đi đến năm 2017 thì về sống chung với chị L đến ngày 28/9/2021 tiếp tục mâu thuẫn nên bỏ nhà đi cho đến nay. Anh yêu cầu ly hôn với chị L. Về con chung: Anh chị có một người con chung Lâm Thị T, sinh năm 2003. T đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản: Tài sản chung không có. Tài sản riêng: Một chiếc xe máy hiệu Sirius được anh mua ở Thành phố CM với giá 10.000.000đ. Về nợ: Anh H xác định không có.

Chị Lâm Thị L trình bày tại Biên bản hòa giải ngày 11/3/2022: Về hôn nhân: Chị thống nhất lời trình bày của anh H và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H. Về con chung: Anh chị có một người con chung Lâm Thị T, sinh năm 2003. T đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh chị có một chiếc xe máy. Chị yêu cầu chia đôi tài sản này. Về nợ: Trong quá trình chung sống, anh chị có nợ một số người sau đây: Ngân hàng CSXH VN – chi nhánh huyện ĐD 32.000.000đ, nợ Ngân hàng TMCP ĐA – chi nhánh tỉnh Cà Mau 10.000.000đ, nợ bà Phạm Thị H 11.000.000đ, nợ bà Lâm Thị Đ 6.000.000đ. Tổng số tiền nợ 59.000.000đ. Chị xác định số tiền nợ trên là nợ chung của chị và anh H nên yêu cầu chia đôi.

Ông Mai Quốc V trình bày tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 12/4/2022: Ông yêu cầu anh H, chị L trả cho Ngân hàng CSXH VN số tiền nợ 35.115.682đ và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ.

Tại phiên Tòa:

Anh Huỳnh Minh H trình bày: Về hôn nhân: Anh yêu cầu ly hôn chị L. Về con chung: Cháu T đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Về tài sản: Một chiếc xe máy hiệu Sirius là tài sản riêng của anh nên không đồng ý chia theo yêu cầu của chị L. Về nợ: Ông Đ 5.400.000đ, bà L 35.000.000đ, chị C 2.500.000đ. Anh không đồng ý trả khoản nợ Ngân hàng CSXH VN, đối với khoản nợ bà L anh sẽ tự trả.

Chị Lâm Thị L trình bày: Về hôn nhân và con chung: Chị thống nhất lời trình bày của anh H. Về tài sản: Chị rút yêu cầu chia đôi một chiếc xe máy hiệu Sirius biển kiểm soát 69K6-7479. Về nợ: Chị yêu cầu anh H cùng có trách nhiệm chia đôi các khoản nợ vay sau: Ngân hàng CSXH VN 34.316.000đ, Ngân hàng TMCP ĐA – chi nhánh tỉnh Cà Mau 10.000.000đ, bà Phạm Thị H 11.000.000đ, bà Lâm Thị Đ 6.000.000đ, chị Lâm Thị Ngọc C 2.500.000đ.

Bà Lâm Thị Đ trình bày: Bà yêu cầu anh H, chị L trả số tiền nợ vay 6.000.000đ, không yêu cầu trả lãi.

Bà Nguyễn Tuyết L trình bày: Bà yêu cầu anh H, chị L trả số tiền nợ vay 35.000.000đ, không yêu cầu trả lãi.

Ông Mai Quốc V trình bày: Ngày 05/4/2016, chị L vay 12.000.000đ, lãi suất 0,75%/tháng, mục đích vay để xây dựng nhà vệ sinh và khoan cây nước. Ngày 05/11/2016, chị L vay 20.000.000đ, lãi suất 0,66%/tháng, mục đích vay để cải tạo vuông tôm. Tính đến ngày 16/8/2022, chị L còn nợ Ngân hàng 32.000.000đ tiền vốn và 2.316.000đ tiền lãi. Ngân hàng yêu cầu chị L trả số tiền nợ 34.316.000đ và lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, bà Phạm Thị H, ông Trương Quốc T, ông Đào Tấn Đ, ông Trịnh Văn C, bà Huỳnh Bảo T, chị Lâm Thị Ngọc C đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trịnh Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà Phạm Thị H, ông Trương Quốc T, ông Đào Tấn Đ, bà Huỳnh Bảo T, chị Lâm Thị Ngọc C, Ngân hàng thương mại cổ phần Phương ĐA – chi nhánh tỉnh Cà Mau đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Anh H, chị L chung sống với nhau vào năm 2002 trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh H với chị L.

[3] Về con chung: Anh chị có một người con chung tên Lâm Thị T, đã trưởng thành và anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản: Ngày 21/3/2022, chị L có đơn yêu cầu chia đôi một chiếc xe mô tô biển kiểm soát số 69K6 – 7479. Tại phiên Tòa, chị L rút yêu cầu trên. Xét thấy: Việc chị L rút yêu cầu chia đôi một chiếc xe mô tô biển kiểm soát số 69K6 – 7479 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật

tổ tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia đôi chiếc xe mô tô biển kiểm soát số 69K6 – 7479.

[5] Về nợ: Xét yêu cầu trả số tiền nợ vay 34.316.000đ của Ngân hàng CSXH VN: Như nhận định ở phần trên do anh H, chị L chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn nên theo khoản 1 Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình quy định “1. *Quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn được giải quyết theo thỏa thuận giữa các bên; trong trường hợp không có thỏa thuận thì giải quyết theo quy định của Bộ luật dân sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan*”. Áp dụng điều luật viện dẫn trên xét thấy: Theo sổ vay vốn và Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay thể hiện người vay vốn là chị L nên theo Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định trách nhiệm trả nợ thuộc về người vay là chị L. Mặt khác, theo anh H, chị L xác định thời điểm vay anh chị đang ly thân, anh H sinh sống tại Tây Ninh và Theo mục đích vay thể hiện để cải tạo vuông tôm, khoan cây nước và xây cầu vệ sinh, nhưng theo các đương sự xác định từ trước đến nay các đương sự không có nuôi tôm và chị L đang sử dụng cây nước và xây cầu vệ sinh, anh H không yêu cầu chia. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định khoản nợ Ngân hàng CSXH VN là nợ riêng của chị L. Nên buộc chị L có trách nhiệm trả số tiền nợ 34.316.000đ.

Đối với các khoản nợ của bà Phạm Thị H, bà Lâm Thị Đ, ông Trương Quốc T, ông Đào Tấn Đ, chị Lâm Thị Ngọc C, bà Nguyễn Tuyết L và Ngân hàng thương mại cổ phần ĐA: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho các đương sự nhưng các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp. Trường hợp sau này giữa các đương sự có phát sinh tranh chấp được quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh H phải chịu theo quy định của pháp luật, anh H đã nộp đủ. Án phí phân chia tài sản: Chị L không phải chịu, đã nộp được nhận lại. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị L phải chịu $34.316.000đ \times 5\% = 1.715.800đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 16, khoản 2 Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Minh H.

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Huỳnh Minh H và chị Lâm Thị L là vợ chồng.

2. Về tài sản: Đình chỉ xét xử yêu cầu của chị Lâm Thị L về việc yêu cầu chia đôi một chiếc xe mô tô biển kiểm soát số 69K6 – 7479 do bà Huỳnh Bảo T đứng tên quyền sử dụng.

3. Về nợ: Buộc chị Lâm Thị L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng CSXH VN số tiền nợ 34.316.000đ (ba mươi bốn triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng).

Ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi mà chị Lâm Thị L phải thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 16/8/2022 thì kể từ ngày 17/8/2022 chị Lâm Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà chị Lâm Thị L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng CSXH VN theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

4. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: anh Huỳnh Minh H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0012070 ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, anh H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án phí phân chia tài sản: Chị Lâm Thị L không phải chịu, đã nộp 300.000đ tại biên lai thu số 0012189 ngày 21/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được nhận lại.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Lâm Thị L phải chịu 1.715.800đ (một triệu bảy trăm mười lăm nghìn tám trăm đồng).

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng